



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1297/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ
triển khai thực hiện năm 2021 (đợt 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số nội dung và định mức xây dựng kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất cấp thiết bổ sung thực hiện năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1167/TTr-SKHHCN ngày 20/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021 (đợt 1), cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ cụ thể tại 02 Phụ lục kèm theo Quyết định này.
2. Tổng kinh phí thực hiện (vốn ngân sách) là 8.550 triệu đồng (tám tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).
3. Nguồn vốn: sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong đó:

- Năm 2021 là 1.690 triệu đồng (*Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng*) từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021.

- Từ năm 2022 trở đi: tiếp tục bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch, cấp phát và quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập dự toán chi tiết theo từng nội dung cụ thể để làm cơ sở thẩm tra, cấp phát, kiểm soát chi và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Ký kết hợp đồng với các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý khoa học và công nghệ.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán kinh phí khi nhiệm vụ hoàn thành, đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn định mức quy định.

2. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt tại Quyết định này theo đúng mục tiêu, nội dung được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền



Phụ lục 1

TỔNG HỢP NHIỆM, KINH HÍ, NGUỒN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Tổng các nguồn vốn (3)*	Vốn sự nghiệp KHCN					Vốn doanh nghiệp (9)	Vốn nhân dân (10)
			Tổng (4)**	2021 (5)	2022 (6)	2023 (7)	2024 (8)		
(1)	(2)	(3)*	(4)**	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Nhiệm vụ: Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sản mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sản bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi	4.760	2.730	890	1.555	265	20	400	1.630
2	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa (QNg6, QNg13 và QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	7.068	1.730	50	527	777	376	613	4.725
3	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi	9.509	2.390	480	920	710	280	5.566	1.553
4	Đề tài: Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ cây dược liệu Đương quy (<i>Angelica acutiloba</i> (Sieb. Et Zucc) Kitagawwa) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	4.472	1.700	270	960	470	-	2.288	484
	TỔNG	25.808	8.550	1.690	3.962	2.222	676	8.866	8.392

Ghi chú: (*): (3) = (4) + (9) + (10); (**): (4) = (5) + (6) + (7) + (8)

Phụ lục 2

CHI TIẾT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2021 (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
I. Lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp - Trồng trọt										
1.	Nhiệm vụ: Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sản mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sản bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi	30 tháng	- Tổ chức chủ trì: Viện Di truyền Nông nghiệp. - Cá nhân chủ nhiệm: GS. TS. Phạm Xuân Hội	<p>* Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu chung: Xác định được một số giống sản kháng bệnh khảm lá, sinh trưởng, phát triển tốt, đạt năng suất, chất lượng cao và áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất sản bền vững, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người nông dân tại Quảng Ngãi.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn được ít nhất 02 giống sản mới kháng bệnh khảm lá, có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, đạt năng suất > 30 tấn/ha, hàm lượng tinh bột >27% phù hợp với điều kiện sản xuất tại tỉnh Quảng Ngãi. - Nhân nhanh giống sản kháng bệnh khảm lá, năng suất cao dự kiến được tuyển chọn và phát triển; đến tháng 1/2022 sản xuất lượng giống đủ gieo trồng 03-05 ha (01-02 	<p>Tổng kinh phí: 4.760</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí SNKHCN là: 2.730; - Vốn Doanh nghiệp: 400; - Vốn dân: 1630. 	890	1.555	265	20	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>ha cây in vitro và 02-03 ha cây nhân giống) phục vụ nhân giống, tháng 7/2022 sản xuất lượng giống đủ gieo trồng 15-20 ha phục vụ nhân giống, tháng 1/2023 cung cấp lượng giống cho sản xuất đủ gieo trồng 80-100 ha.</p> <p>- Hoàn thiện và chuyển giao các quy trình kỹ thuật liên quan: quy trình nhân nhanh giống sản mới bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào (in vitro); quy trình nhân giống trong nhà màng; hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh cho giống sản mới tại tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>- Xây dựng 03 mô hình canh tác giống sản mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao, có diện tích 05ha/mô hình cho hiệu quả kinh tế > 15% so với giống cũ. Cung cấp giống sản kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ sản xuất 150 ha sản niên vụ tiếp theo.</p> <p>* Nội dung:</p> <p>Nội dung 1: Tuyển chọn một số giống sản có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, kháng bệnh khảm lá sản, đạt năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội dung 2: Hoàn thiện và chuyển giao các</p>						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>quy trình kỹ thuật nhân nhanh các giống sản mới bằng kỹ thuật in vitro, nhân giống trong nhà màng và thâm canh các giống sản mới tại Quảng Ngãi.</p> <p>Nội dung 3: Nhân nhanh các giống sản mới dự kiến tuyển chọn kháng bệnh khảm lá, sinh trưởng, phát triển tốt, đạt năng suất, chất lượng.</p> <p>Nội dung 4: Xây dựng các mô hình (03 mô hình, quy mô 5 ha/mô hình) sản xuất giống sản mới tại tỉnh Quảng Ngãi và cung cấp giống phục vụ sản xuất trong niên vụ tiếp theo.</p> <p>Nội dung 5: Đào tạo, tập huấn; Hội nghị, quảng bá kết quả, nhân rộng mô hình.</p> <p><i>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh nhiệm vụ).</i></p>						
2.	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa	36 tháng	- Tổ chức chủ trì: Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi. - Cá nhân chủ nhiệm: KS.	<p>* Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu chung:</p> <p>Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa (QNg6, QNg13 và QNg128) đã được chọn tạo từ đề tài KHCN cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi có mã số 01/2017/HĐ-</p>	<p>Tổng kinh phí: 7.067,8</p> <p>Trong đó:</p> <p>- Kinh phí SNKHCN là: 1.730.</p> <p>- Kinh phí đối</p>	50	527	777	376	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
	(QNg6, QNg13 và QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		Nguyễn Thị Lệ Quyên	<p>ĐTKHCN trở thành giống lúa chính của tỉnh; hình thành liên kết theo chuỗi giá trị để đảm bảo tính ổn định, bền vững trong việc sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hạt giống; nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa tại Quảng Ngãi. Hướng đến sau khi kết thúc dự án, hàng năm khoảng 15-20% diện tích trồng lúa trên địa bàn tỉnh được người dân sử dụng 3 giống lúa QNg6, QNg128 và QNg13 để gieo trồng.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất hạt giống lúa QNg6, QNg128 và QNg13 cấp siêu nguyên chủng đạt 6.560 kg đảm bảo chất lượng để phục vụ phát triển mở rộng giống mới và xây dựng mô hình; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất hạt giống lúa mới cấp nguyên chủng và cấp xác nhận với quy mô diện tích 110 ha (80 ha cấp nguyên chủng, 30 ha cấp xác nhận) tổng sản lượng đạt 400 tấn giống trong kỳ dự án, giúp tăng thu nhập cho nông dân từ 15-20%. - Đào tạo, tập huấn và chuyển giao thành công kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa QNg6, QNg128 và QNg13; <p>* Nội dung:</p>	<p>ứng đơn vị chủ trì (Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi): 612,5.</p> <p>- Vốn dân: 4.725,3.</p>					

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>Nội dung 1: Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa QNg6, QNg128 và QNg13</p> <p>- Công việc 1: Sản xuất hạt giống lúa siêu nguyên chủng (SNC):</p> <p>+ Sản xuất hạt giống lúa đầu dòng G1: Quy mô 0,55 ha; sản lượng 160 kg hạt giống đầu dòng G1.</p> <p>+ Sản xuất hạt giống lúa dòng G2: Quy mô sản xuất 4,0 ha; sản lượng 6.400 kg hạt giống dòng G2.</p> <p>- Công việc 2: Sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, xác nhận:</p> <p>+ Xây dựng mô hình liên kết sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng: Quy mô 80 ha; sản lượng đạt 280 tấn giống cấp nguyên chủng/kỳ dự án.</p> <p>+ Xây dựng mô hình liên kết sản xuất hạt giống lúa xác nhận: Quy mô 30 ha; sản lượng đạt 120 tấn giống cấp xác nhận/kỳ dự án.</p> <p>- Công việc 3: Đầu tư trang bị thiết bị máy móc phục vụ chế biến đóng gói sản phẩm.</p> <p>Nội dung 2: Xây dựng chuỗi liên kết trong</p>						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				việc sản xuất và tiêu thụ hạt giống lúa QNg6, QNg128 và QNg13. Nội dung 3: Đào tạo, tập huấn; hội nghị, hội thảo, giới thiệu, quảng bá kết quả, nhân rộng mô hình.						
II. Lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp - Chăn nuôi										
3.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi	36 tháng	- Tổ chức chủ trì: Công ty TNHH Trường Anh Thư - Cá nhân đồng Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Hữu Văn; KS. La Quang Còn	* Mục tiêu: Mục tiêu chung: Sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương để sản xuất các loại thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, chủ động nguồn thức ăn quanh năm, giảm chi phí thức ăn cho chăn nuôi bò thịt thâm canh và thúc đẩy chăn nuôi bò thịt thành ngành sản xuất chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá được tiềm năng và giá trị dinh dưỡng nguồn sản phẩm và phụ phẩm công nghiệp có thể làm nguyên liệu sản xuất thức ăn hỗn hợp phục vụ cho chăn nuôi bò hướng thâm canh ở tỉnh Quảng Ngãi; - Xây dựng được các quy trình sản xuất thức	Tổng kinh phí: 9.508,774 Trong đó: - Kinh phí SNKHCN là: 2.390 - Kinh phí đơn vị chủ trì: 5.565,608 - Vốn dân: 1.553,166	480	920	710	280	Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR và FTMR) và hỗn hợp thức ăn tinh dạng viên cho chăn nuôi bò thịt từ nguồn sản phẩm và phụ phẩm công nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;</p> <p>- Sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh FTMR và thức ăn tinh hỗn hợp dạng viên cho chăn nuôi bò thịt đạt chất lượng theo quy định hiện hành.</p> <p>- Xây dựng các mô hình chăn nuôi thâm canh bò thịt bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR và FTMR) và thức ăn tinh dạng viên để chuyển giao kỹ thuật cho nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>* Nội dung:</p> <p>Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá nguồn phụ phẩm làm nguyên liệu và tình hình chế biến, sử dụng các loại thức ăn trong chăn nuôi bò thịt ở Quảng Ngãi.</p> <p>Nội dung 2: Hoàn thiện các quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt.</p> <p>Nội dung 3: Tổ chức sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR và FTMR) và thức ăn tinh hỗn hợp dạng viên cho bò thịt.</p>						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>Nội dung 4: Xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò thịt bằng thức ăn hỗn hợp.</p> <p>Nội dung 5: Đào tạo, tập huấn, hội nghị, thông tin tuyên truyền.</p>						
III. Lĩnh vực Khoa học Y – Dược										
4.	<p>Đề tài: Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ cây dược liệu Đương quy (<i>Angelica acutiloba</i> (Sieb. Et Zucc) Kitagawwa) theo chuỗi giá trị tại các</p>	30 tháng	<p>- Tổ chức chủ trì: Công ty Cổ phần VietRAP Đầu tư Thương mại</p> <p>- Cá nhân Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Quang Hùng</p>	<p>* Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng thực nghiệm để đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, chất lượng và hiệu quả của cây Đương quy làm cơ sở cho việc sản xuất hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế cho các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. - Hình thành được mô hình liên kết bền vững trong việc trồng, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa dược liệu Đương quy. <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đúng khả năng sinh trưởng, phát 	<p>Tổng kinh phí: 4.471,525</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí SNKHCN là: 1.700 - Kinh phí đơn vị chủ trì: 2.287,525 - Vốn dân: 484 	270	960	470		Khoán chi từng phần

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
	huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi			<p>triển, chất lượng và hiệu quả của dược liệu Đương quy trồng thực nghiệm ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành được mô hình liên kết trồng, sơ chế và bao tiêu sản phẩm dược liệu Đương quy trên địa bàn các huyện miền núi: Sơn Tây, Ba Tơ và Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi. - Mô hình sản xuất giống Đương quy, diện tích 500m². - Mô hình sản xuất cây dược liệu Đương quy với diện tích 3 ha/3 huyện Sơn Tây, Ba Tơ và Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi (bằng hạt và cây giống/ha) trong vườn nhà, có tỷ lệ sống $\geq 90\%$; Năng suất: 12 tấn tươi/ha (5 tấn khô/ha), sản lượng 36 tấn tươi/15 tấn khô. - Các hộ nông dân tham gia mô hình nắm vững được kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sản phẩm. <p>* Nội dung:</p> <p>Nội dung 1: Điều tra, khảo sát chọn hộ, lựa chọn vùng trồng cây Đương quy ở một số huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.</p>						

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chủ yếu	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí SN KHCN				Phương thức khoán chi
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
				<p>Nội dung 2: Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật ươm giống, trồng, chăm sóc, phòng bệnh, thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản dược liệu Đương quy phù hợp với điều kiện khu vực miền núi tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội dung 3: Xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dược liệu Đương quy.</p> <p>Nội dung 4: Đào tạo, tập huấn, hội nghị giới thiệu, quảng bá sản phẩm và chuyên giao kết quả nhân rộng mô hình</p>						